TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625 /2024/DS-ST
Ngày 28-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Ông Lê Văn Rồi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 192/2024/TLST-DSST ngày 15 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 397/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 449/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ trụ sở: Số 442, N, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó Giám đốc phòng quản lý nợ; Ông L uỷ quyền lại: Ông Trương Minh Q - là nhân viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, toà nhà ACB, 444A-446, C, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Giấy uỷ quyền số 1231/UQ-QLN.23 ngày 07/8/2024).

2. Bị đơn: Bà Trình Thị K, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số 160, đường H, tổ 05, ấp 5, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/6/2023 và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng ACB) đã cấp tín dụng cho bà Trình Thị K theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do bà K ký ngày 06/4/2020 với các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB chi tiết như sau: Số thẻ: 4791 39** **** 9767, loại thẻ: Visa vàng, ngày cấp" 06/4/2020, hạn mức 50.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: tháng 04/2023, Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các

điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB (lãi suất trước 14/7/2023 là 43,5%/năm, lãi suất sau 14/7/2023 là 48%/năm).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Trình Thị K đã vi phạm nghĩa vụ với ACB. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay và chấm dứt sử dụng thẻ, ngày 12/10/2021, ACB đã chuyển khoản thẻ 4791 39** **** 9767 sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Trình Thị K. Ngày 15/04/2023, ACB ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Theo đơn khởi kiện, tính đến ngày 25/05/2023, bà Trình Thị K còn nợ ACB các khoản sau: Vốn gốc là 35.769.465 đồng, lãi quá hạn là 23.344.005 đồng, tổng cộng là 59.113.470 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bà K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 59.113.470 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 35.769.465 đồng, lãi quá hạn 23.344.005 đồng.

Đến nay (ngày 28/8/2024), bà K còn nợ Ngân hàng ACB số tiền tổng cộng là 76.961.440 đồng, gồm vốn gốc là 35.769.465 đồng, lãi quá hạn là 41.191.975đ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền trên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Kiều có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB tính từ ngày 29/8/2024 đến ngày trả hết nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng, Giấy uỷ quyền số 1285/UQ-QLN ngày 05/7/2022, Giấy uỷ quyền số 849/QQ-QLN.23 ngày 20/6/2023; Giấy uỷ quyền số 1231/QQ-QLN.24 ngày 07/8/2024, Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu sao y của bị đơn; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ; Bản kê chiết tính lãi đến ngày 28/8/2024; Căn cước công dân của người đại diện (bà K, ông Q).

Bị đơn bà Trình Thị K đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn bà Trình Thị K có nơi cư trú tại xã B, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là Trình Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trình Thị K thanh toán số tiền tổng cộng là 76.961.440 đồng, gồm vốn gốc là 35.769.465 đồng, lãi quá hạn là 41.191.975đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà K có trách nhiệm trả lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngân hàng ACB đã cấp tín dụng cho bà Trình Thị K theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do bà Kiều ký ngày 06/4/2020 với nội dung, các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB chi tiết như Ngân hàng ACB trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên toà là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Trình Thị K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng ACB nên ngày 12/10/2021, ACB đã chuyển khoản thẻ 4791 39** **** 9767 sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Trình Thị K. Ngày 15/04/2023, ACB ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Ngân hàng ACB đã nhiều lần tìm cách liên hệ bà K để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà K không có thiện chí. Tính đến ngày 28/8/2024, bà K còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là là 76.961.440 đồng, gồm vốn gốc là 35.769.465 đồng, lãi quá hạn là 41.191.975 đồng là đúng. Như vậy, phía bị đơn bà Trình Thị K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn là bà K đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà K trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 76.961.440 đồng, (gồm vốn gốc là 35.769.465 đồng, lãi quá hạn là 41.191.975 đồng).

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc yêu cầu bà Trình Thị K có nghĩa vụ trả số tiền tổng cộng là 76.961.440đ (bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Buộc bà Trình Thị K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền số tiền tổng cộng là 76.961.440đ (bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Trong đó vốn gốc là 35.769.465đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) và lãi quá hạn là 41.191.975đ (bốn mươi mốt triệu một trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Kiều còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí DSST là 3.848.072đ (ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bảy mươi hai đồng) buộc bà Trình Thị K phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 1.477.837đ (một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi nảy đồng) theo biên lai thu tiền số 0019450 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận**:*
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan